

V + V ing	V + TO V	V+ SB + TO V	V + sb + V -bare inf
avoid (tránh) admit (thừa nhận) advise (khuyến nhủ) appreciate (đánh giá) complete (hoàn thành) consider (xem xét) continue(tiếp tục)=go on= keep on(tiếp tục) delay (trì hoãn) deny (từ chối) ≠ give up(tỏ bả) discuss (thảo luận) dislike (không thích)=hate enjoy (thích)=like=feel like=love finish (hoàn thành)) mention (đề cập) mind (phiền , ngại) miss (nhớ , bỏ lỡ) postpone (trì hoãn) practice (luyện tập) quit (nghỉ , thôi) recall (nhắc nhở , nhớ) recollect (nhớ ra) recommend (nhắc nhở) regret (tiếc rang)Ving = be sorry about Ving= be sorry sb for Ving resent (bực tức) resist (kháng cự) risk (rủi ro) spend (su dụng thời gian,) suggest (đề nghị) tolerate (tha thứ) understand (hiểu) can't help (ko thể tránh / nhin được) can't stand (ko thể chịu đựng đc) can't bear (ko thể chịu đựng đc) It is no use / It is no good (vô ích) would you mind(có làm phiền...k) to be used to (quen với) to be / get accustomed to (dần quen với) to be busy (bận rộn) to be worth (xứng đáng) to look forward to (trông mong) to have difficulty(in)/ fun / trouble to have a difficult (in) time	afford (đủ khả năng) agree (đồng ý) appear (xuất hiện) arrange (sắp xếp) ask (hỏi , yêu cầu) beg (nài nỉ , van xin) care (chăm sóc) claim (đòi hỏi,yêu cầu) consent (bằng lòng) decide (quyết định) demand (yêu cầu) deserve (xứng đáng) expect (mong đợi) fail (thất bại) hesitate (do dự) hope (hi vọng) learn (học) manage (sắp xếp) mean (ý định) need (cần) offer (đề nghị) plan (lên kế hoạch) prepare (chuẩn bị) pretend (giả vờ) promise (hứa) refuse (từ chối) seem (dường như) struggle (đấu tranh) swear (xin thề) threaten (đe dọa) volunteer (tình nguyện) wait (đợi) want (muốn) wish (mong)	advise (khuyến) allow (cho phép) ask (yêu cầu) beg (van xin) cause (gây ra) challenge (thách thức) convince (thuyết phục) dare (dám) encourage (khuyến khích) expect (mong đợi) forbid (cấm) force (buộc) hire (thuê) instruct (hướng dẫn) invite (mời) need (cần) order (ra lệnh) permit (cho phép) persuade (thuyết phục) remind (nhắc nhở) require (đòi hỏi) teach (dạy) tell(báo) urge (thúc giục) want (muốn) warn (báo trước) Ex: She allowed me to use her car	1 .help (giúp) 2. let (cho phép) 3.find(thấy) 4.seem(dường như) 5.make 6.feel (cảm thấy) (≠feel like+ V-ing) 7.look like(trông như) 8.hear(nghe) 9.observe(quan sát) 10.had better(tốt hơn) 11.smell(ngửi) 12.taste(nếm) 13.notice(chú ý) 14.watch(xem) 15.become(trở nên) 16.sound(nghe) 17.cannot but (k còn cách nào hơn là...)

10. Would you mind _____ me how _____ the lift?
 A. to show/ to work B. show/ work C. showing/ to work D. showing/ working
11. I couldn't help _____ what you said.
 A. overhear B. overhearing C. overheard D. to overhear
12. Please go on _____. I can wait.
 A. write B. to write C. wrote D. writing
13. His doctor advised him _____ jogging.
 A. to give up B. give up C. giving up D. gave up
14. Do stop _____. I am doing my homework.
 A. talk B. talking C. to talk D. talked
15. Mrs. Jones: I don't allow my family _____ at all.
 A. smoking B. to smoke C. smoked D. smoke
16. I am beginning _____ what you mean.
 A. to understand B. understand C. understanding D. A & C
17. After walking for three hours, we stopped to let the others _____ with us.
 A. to catch B. catching C. catch D. A & B
18. Your windows need _____. Would you like me to do them for you?
 A. to be cleaned B. to clean C. cleaning D. A & C
19. It is interesting _____ a good film.
 A. to watch B. watching C. watch D. watched
20. My mother made me _____ at home at night.
 A. staying B. to stay C. stayed D. stay
21. The librarian asked us _____ so much noise.
 A. don't make B. not make C. not making D. not to make
22. I told you _____ the computer, didn't it?
 A. to switch off B. don't switch off C. not switch off D. switch off
23. He advised them _____ in the class
 A. to not talk B. not to talk C. to talk not D. don't talk
24. Judy suggested _____ for a walk but no one else wanted to.
 A. to go B. go C. going D. went
25. Tom refused _____ me any money
 A. to give B. give C. gave D. giving
26. Jill has decided not _____ a car
 A. to buy B. buy C. buying D. will buy
27. There was a lot of traffic but we managed _____ to the airport in time.
 A. to get B. getting C. not to get D. got
28. Ann offered _____ after our children while we were out
 A. look B. to look C. looking D. look to
29. Would you like _____ to the D&J coffee
 A. to go B. going C. went D. goes
30. Why hasn't Sue arrived yet? She promised not _____ late
 A. come B. to come C. coming D. came